

Trú khu Hồ i Phòng

Khi Hà Nội đã được chuyển giao cho Việt Minh theo thoả thuận được quy định bởi Hiệp định Genève, các trung tâm tiếp nhận chuyên chuyển xu hướng Hồ i Phòng thì số người di cư tăng lên khi tiếp. Tất cả các trường học cũng như các công sở đều là nơi chia người tiếp nhận, nhưng vẫn không đủ chỗ. Nhà đi di dân Phố Hàng Bài di cư tới Bắc phần đã cho đóng hàng ngàn lều và trại ở vùng Việt-Cách, sát tận Hồ i Phòng có khả năng đón tiếp 10.000 người, rồi mở trại trú khu trại hai được thiết lập ngay sau đó, chia được 15 ngàn người. Mở trại trú khu khác chia bác sĩ Dooley, cách Hồ i Phòng 7 cây số, trên đường Hà Nội- Hồ i Phòng chia được 12 ngàn người.

Trong thời gian tạm trú tại Hồ i Phòng, đóng bào di cư được phát gạo và 7 đồng tiền thức ăn, chia kẹo được cung cấp miễn phí, cá khô, sữa, chuối và mì hai người được cấp mì tẻ và mì tẻ chi.



Trước khi xu hướng tới, đóng bào được cấp phát bánh mì và 35 đồng/mười người. Nếu đi theo tàu Pháp, đóng bào được chia đến bến Sáu Kho, nếu đi tàu Mỹ, đóng bào được chia đến bến Việt-Cách rồi tiếp đó chuyển ra các trại chi ở gần đường vành Hồ Long.

Công việc tiếp nhận tại Hồ i Phòng kéo dài như thế cho đến ngày 11/05/1955 khi chuyển tới khu lều chia chia Hồ i quân Mỹ, chi của Brewster chia 520 đồng bào cùng với bến Hồ i Phòng. (Trích *Cuộc Di Cư Lều Chia S*, trang 129-130)

Một nhân vật đi di dân cho Phố Hàng Bài trông coi việc di cư này mà chắc chắn người còn nhớ và không quên được, xin được nhắc đến ông mở đầu: Ông Mai Văn Hàm.

Cũng xin nhắc tên những người đã làm công việc trông coi, chăm sóc cho người di cư là: Bác sĩ Phạm Hữu Chương, ông Ngô Ngọc Đợi, bác sĩ Phạm Văn Huyền và ông Bùi Văn Lộc.

Bên cạnh đó, có linh mục Phạm Ngọc Chi được chia để làm chủ tịch ủy ban hỗ trợ định cư. Về phía người Pháp cung cấp 1500 tấn gạo cho Hồ i Phòng ngay từ những ngày đầu 28/7/1954. Sau này, ngày 9/2/1955 tờ báo Figaro của Pháp đã tuyên bố đóng góp 35 triệu đồng tiền (đồng franc - DCVOnline) gửi cho người di cư. Tiền ngân phiếu được trao cho Thủ tướng Diêm trước các người di cư Tân Sơn Nhất.

Cũng vậy, ngay ngày 31/08/1954, Phi Luật Tân đã gửi sang giúp Việt Nam 7 bác sĩ và 3 máy y tá trong khuôn khổ chiến dịch huynh đệ "Operation Brotherhood" hay "Fraternity". (Trích tài liệu của ông Đinh Quang, tác giả Bình Giã, quê Hai, trang 4)

Một cuộc di cư y dân chúng trong các trại tị nạn nọ nọ t vng và chán n n cũng than v n tình trng thi u th n đ lo i, cng thêm tình trng s ng i ch đ i lâu mà v n ch a ch a đ c b c đi. H i quân đ đ c Sabin ch u trách nhi m vi c chuyên ch ng i di c vào mi n Nam đã thăm m t tr i ti p c và ông đã ghi l i nh sau:

“There were some 14 thousand people huddled in what to me seemed to be cesspool. They were dirty, had little food or water and no shelter except a few pieces of cloth between two sticks in the ground. This is the monsoon season and that isn’t a very comfortable to live. They had given up the only thing they owned which probably was a little rice paddy and a thatched hut. But they had done it willingly to escape the jaws of Communism”. (Trích OPTF, trang 64).

Đã có kho ng 14 ngàn ng i túm t m trong cái mà theo tôi nó là cái h m ch a phân. H b n th u, ch có m t ít đ ăn ho c n c và không có ch trú n ngo i tr m t vài m nh v i v t gi a hai cây sào c m đ i đ t. Đây là lúc gió mùa và đành ch u cho s b t ti n đó. Có th h đã ph i t b s h u duy nh t cu h là m t ru ng lúa nh và m t túp l u tranh. Nh ng h đã s n lòng làm đ i u y đ thoát kh i nanh vu t c a cng s n.

Nh ng ch ng t cho th y Vi t Minh không tôn tr ng Hi p đ nh Geneva.

Có r t nhi u b ng c v đ i u này. B ng c hi n nhiên không ch i cãi đ c. N u tin đ c l i c a ông Frank N. Trager trong *Why, Viet Nam?* Paul Mall Press, London, 1966, trang 97, m t giáo s N u c có thăm Vi t Nam và cho bi t có đ n 95.000 ng i di c ký trong đ n t cáo Vi t Minh vi ph m Hi p đ nh Geneva mà không đ c gi i quy t.

Xin đ n ch ng t c a linh m c Tr n Nam B c, m t nhân ch ng trong cu c trong bài vi t: *“Le drame des réfugiés catholiques Vietnamiens”*, Paris, mars 1955, trang 1-2 nh sau:

“Ces fuites s’accomplissaient dans des conditions émouvantes, déchirantes mêmes, car les Viet Minh, en pleine violation des accords de Geneva, ont tenté et continuent encore de s’y opposer. Ils ont employé d’abord la persuasion, puis la force et nombreux sont les réfugiés blessés par les balles communistes. On a vu les habitants de villages entiers se mettre en marche vers la mer, traversant les rizières, pour éviter les routes controlées par les forces Viet Minh, et construire des radeaux de fortune se lançant sur la mer avec de grandes risques, sans aucune certitude d’être secourus. Des centaines de fugitifs se noyèrent. Qui pourraient jamais imaginer le spectacle impressionnant du 6 novembre dernier, quand une foule de 2000 réfugiés attendait sur un banc de sable de C a Trà Lý d’êtres sauvès par des navires de nations amies..

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (IV)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lạc

Thứ Ba, 21 Tháng 10 Năm 2008 14:40

Thậm chí nhà công giáo Việt Nam... Những cuộc tháo chạy trong những hoàn cảnh hỗn loạn và đau lòng, bởi vì Việt Minh đã vi phạm những nguyên tắc Hiệp định Geneva trong công việc của họ tại Hiệp định. Mọi điều này còn thuyết phục hơn nữa, sau đó dùng sức mạnh và nhu cầu người đã bắt đầu vì mình đến các nơi. Những người ta đã thấy hàng ngàn dân cư làng ùn ùn kéo nhau ra biển, đi tắt qua cánh rừng rậm, tránh đi trên đường lộ bị kiểm soát bởi Việt Minh, rồi kết thúc bằng bè mảng sông Sài để ra biển và rồi rồi thì người hiếm nghèo và chúng có gì chúng là số đông của chúng. Hàng trăm người di cư đã chết trên biển. Những người ta làm sao có bao giờ có thể tưởng tượng ra cảnh tượng gây nên những thảm họa vào ngày 6/11 vừa qua, khi một đám đông gồm 2000 người tị nạn trên một chiếc thuyền cá tra Trà Lý chở đông các tù nhân các nước đến rồi đi.

Xin đọc những tài liệu của tờ Fides, communiqué du 29/1, trang 28 như sau:

“Dans les premiers jours de Janvier, 10.000 réfugiés catholiques qui s’étaient concentrés à BaLang pour rejoindre le Viet Nam du Sud, furent arrêtés par la force et conduits vers l’intérieur du pays, avant que la commission Intentionnelle puisse intervenir. Dans cette opération 5000 soldats Viet Minh seraient intervenus pour prendre d’assaut l’église dans laquelle les réfugiés s’étaient retranchés. Il eut au cours de la rencontre des pertes de deux côtés, mais les réfugiés, qui disposaient seulement d’un armement improvisé, furent rapidement maîtrisés. Tous furent conduits vers des destinations inconnues...”

Vào những ngày đầu tháng giêng, 10.000 người tị nạn Thiên Chúa giáo đã tập trung ở Ba Làng để đi vào miền Nam, đã bị chặn bắt lại và đưa vào sâu trong đất liền, trước khi Ủy Hội Kiểm soát đình chiến có thể can thiệp. Trong cuộc đụng độ này, 5000 binh lính Việt Minh đã tấn công vào nhà thờ trong đó các người tị nạn đang ẩn nấp đó. Trong cuộc đụng độ này, có sự thiệt hại cho cả đôi bên. Về phía người tị nạn chúng tôi có những vũ khí sơ sài, tùy tiện nên đành bị Việt Minh khống chế... Tất cả đều được đưa đến những nơi nào không ai hay biết...”

Tất cả những gì xảy ra ở Ba Làng cũng đã xảy ra ở Lưu Mộ với 3000 giáo dân. Kết quả có 12 người chết, 50 bị thương và 200 người bị bắt sau đó. Ngày 26/9, hơn 2000 người di cư thuộc Hội Hù, Bùi Chu bị Việt Cộng ngăn chặn không được lên thuyền phà đi Nam Định, tất đó đi Hội Phòng. Họ chỉ cần tuấn lộc không được đi đành quay trở về nhà. Cũng vậy, 3000 người di cư Phát Diệm bị chặn lại ở Phụng Lý. Ngày 29/9, 3000 người di cư thuộc tỉnh Thái Bình bị chặn lại ở bến phà Nam Giang. Sau 15 ngày chờ đợi mỏi mòn, họ đành quay trở về nhà. Ủy Hội Quốc Tế kiểm soát đình chiến được thông báo những thì đám dân di cư đã không còn ai nữa. (Trích OPTF, trang 160)

Trong Cuộc di cư lịch sử cũng vì thế đã xảy ra sự vi phạm Hiệp định Geneva của chúng tôi như sau:

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (IV)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lộc

Thứ Ba, 21 Tháng 10 Năm 2008 14:40

“Tôi Thanh Hóa, ngày 08/01/55, dân chúng Ba Làng, huyện Tĩnh Gia, tôi họp hai vợ chồng đi di cư bằng đường biển. Sĩ lính của chúng dùng đàn áp nhân dân là 5 ngàn tên trang bị đầy đủ khí giới. Trái lại nhân dân chúng có gậy, dao đánh lại Việt Cộng. Vợ tôi huyện ra, bên quân đội cũng có nhiều địa phương, bên nhân dân có 4 người thiệt mạng, 6 người bị thương (có một người đã di cư vào Nam) Sau cuộc đấu tranh máu này hơn 2 vợ chồng tôi tập trung đi di cư bằng đường biển, dân chúng Ba Làng bị khủng bố, đàn áp tay, nam thanh niên bị Công an Việt Cộng bắt đem ngay tới tòa án” nhân dân làng bên. Kết quả hai người bị khổ sai chung thân, 4 người bị 20 năm và 22 người bị 12 năm khổ sai. Những người khác sau khi bị tra tấn dã man ở các trại tù, những người chết, trẻ 60 người bị chúng coi là hàng cấm để nguy hiểm nên bắt đi biệt tích. Tôi đi trốn và tàn sát ở Lào Mù càng rung rinh hơn nữa. Rồi kết quả dân Lào Mù bị 11 người chết, nhiều người bị thương và đến tình trạng sáng toàn thể dân chúng Lào Mù bị bắt trời. Đây là chỉ tiêu về cuộc vượt đường biển ở Trà Lý do một sĩ quan Hải quân người quốc gia cuộc vượt biển kỳ diệu:” Trong đêm 5 rạng 6-11-54, một tiểu đoàn của Hải quân đang tuần hành ngoài khơi Trà Lý được một thuyền đánh cá cho hay rằng có trên 2000 người hiện đang lâm vào cảnh nguy hiểm trên bãi cát ngoài cửa biển Trà Lý. Tức thì Tiểu đoàn, báo tin cho tiểu đoàn khác, “tiểu đoàn La Capricieuse”- LSM 9.052- LCT. 9065 đến tiếp tay cứu trợ ... Một ông lý trưởng cho biết có vào khoảng 30 ngàn người đi cư ở tỉnh Phú Lý muốn đi mà không được: “The mayor also reported that approximately thirty thousand Vietnamese wished to evacuate around Phu Ly, but there was no way to confirm the report”. (Trích PPTF, trang 127)



Dr. Thomas Anthony Dooley (1927-1961)

Người: bettytisdale.com

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (IV)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lộc

Thứ Ba, 21 Tháng 10 Năm 2008 14:40

Bác sĩ Dooley, vào năm 1960 được cử đi thăm dò Gallup cho ông là một trong số 10 người đi được dân chúng Mỹ ái mộ và câu chuyện về ông như sau:

“On October 27, the French LST arrived in Hai Phong with a load of eighteen hundred Vietnamese from Van Ly; all of them rescued from sampans and bamboo rafts. The refugees reported that many in the group had been detained and beaten by the Viet Minh before their escape. Two of these refugees who were wounded by the Viet Minh as they escaped by raft from Bui Chu were treated by Lieutenant (junior grade) Thomas A Dooley, M.D, and Vietnamese Roman Catholic priest Father Khuê at the Haiphong hospital”. (Trích OPTF, trang 162)

Ngày 27/10, tàu Pháp LST chở 1800 người Việt Nam từ Vạn Lý đến Hải Phòng. Tất cả họ đã được cứu nguy từ những chiếc thuyền tam bản và những chiếc mảng tre. Những người đi trên báo cáo rằng những người trong nhóm họ trốn khi trốn thoát đã bị Việt Minh giam cầm và đánh đập. Trong số những người đi trên có hai người bị Việt Minh gây thương tích khi họ trốn đi từ Búi Chu bằng chiếc mảng đã được bác sĩ Thomas A Dooley và cha Khuê đưa họ tới nhà thương Hải Phòng.

Tất cả những ghi nhận ở trên cho thấy rõ rằng: cuộc di cư 1954 là một cuộc ra đi để đi tìm tự do và dân chủ, để tránh cộng sản. Những đi cư đã bỏ nhà, bỏ cửa, chấp nhận tất cả với bất cứ giá nào- ngay cả mạng sống mình- miễn là được sống trong Tự Do.

Một số không nhỏ những vùng như Vinh, Búi Chu, Phát Diệm, Nam Định, Phú Lý đã bị Việt Cộng phá rụi, ngăn chặn không cho đi. Một số những người đi cư đi được cho biết đã phải trốn 7000 dặm cho mình đi vào người, trái ngược với những người đi ông Trần Tam Tỉnh đã viết ở trên. Sự thất bại của chính quyền cộng sản là không ngăn chặn được “làn sóng di cư” ngay cả các tỉnh mà trước đây nằm dưới quyên kim sát cửa họ như K trong vớ bớ ở những nơi ra ở Quần Lũ vào tháng 11/1956, thuộc tỉnh Nghệ An, chính quê quán của Hồ Chí Minh. Theo chính quyền:

Giáo dân do sự ép cửa hàng giáo phẩm đã tập hợp đông đảo, tới 300 người, tới 500, có một nghìn thanh niên. Ngày 12 và 13 tháng 11, hàng trăm người công giáo đã tập hợp đòi quyền đi cư vào miền Nam, hô khẩu hiệu “Độc đạo của cách ruộng đất”, “Độc đạo cộng sản”, “Độc đạo Trung Cộng”, “Độc đạo Nga Sô”, “Độc Mồ muôn năm”. Về theo báo cáo này: đã có những xung đột với bộ đội. Kết quả là một bên có 5 người chết và những người bị thương. Vài ngày sau, Hồ Chí Minh công bố quyết định như sau sai và cuộc sự sai kéo dài đến cuối năm 1977...

(Trích Bản ghi về hội nghị Trung ương ngày 30/11/1956 do Bộ ngoại giao VNDCCH tổ chức). Giữa những người đi cư trong vùng tự do và những đi cư trong vùng chiếm đóng của cộng sản, việc đi tìm tự do của họ là những thứ hai khác nhau và gian nan hơn nhiều. Thứ nhất ít ai lo âu tâm độn “mạng người đi cư” này. Họ phải đi lén lút, tất cả đôi khi kéo đi cả làng, ra khỏi trên những bè

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (IV)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lạc

Thứ Ba, 21 Tháng 10 Năm 2008 14:40

mình ghép lại thì những cây tre và đôi khi xẩy ra xung đột để máu về chính quyên Việt Minh. Có báo cáo cho biết có những cuộc xung đột xẩy ra có để máu, trong số đó giáo dân bị chết và bị thương có thể lên tới 50 người. (Trích Trần Thế Liên trong Văn đàn công giáo miền Bắc ...)

Người Pháp đã gửi 2 triệu đồng Vinh để đón tiếp dân di cư vào cuối tháng 12/1954. Trung bình có 500 dân di cư Vinh để đón tiếp trong thời gian này mà tổng số lên đến 10233 ngàn người. (Trích OPTF, trang 186)

Việt Cộng cũng đã dùng để mua cách để ngăn chặn làn sóng di cư này như tuyên truyền rêu ta, đe dọa, rêu truy cập đến, ngăn cản nếm đoán và đôi khi dùng cớ võ lực để ngăn chặn làn sóng di cư này. Điển hình là nhà sĩ Thăm Oánh làm cho đài Radio Hà Nội bị Việt Minh đe dọa tính mạng nên ông yêu cầu được di cư vào miền Nam ngay lập tức. Giám đốc chương trình Phạm Minh Phan thì không mua những trách nhiệm di dời các trang thiết bị đài xuồng Hải Phòng. Cuối cùng vì thiếu sự quan lý chặt chẽ, các trang thiết bị đó cũng bị mất ít nhất là 20%, và dù được chuyển về vào trong Nam, đài phát thanh Hà Nội cũng không hoạt động trở lại được. Việt Minh cũng tìm cách mua lại các nhà in như trường hợp nhà in tờ báo Pháp, tờ l'Entente cho mất kể vô danh với giá 780.000 đồng Việt Cộng dùng những nhà in này để phục vụ truy cập đến và để ngăn cản làn sóng người di cư.

Để đánh bại những tuyên truyền này, Hải quân Mỹ không có gì pháp nào hơn là đi xẩy ra với người di cư, cho ăn uống hàng hoàng và chừa bỏ nh sạch sóc người đau ốm, mua đồ có nhu cầu khác biệt văn hóa (Clash of culture).

Vai trò của Ủy Hội Quốc tế kiểm soát đình chỉ International Control Commission (ICC)

ICC có ba đội đi là Ba Lan, Đan Mạch và Gia Nã Đại. Những vì thiếu thiện phần người tiếp nhận di chuyển nên họ thu về vào chính quyên để phần người là Việt Minh. Họ bó tay, bất lực. Việt Minh đàn áp những khi họ mua đến thăm một nơi nào.

Bác sĩ Tom Dooley kể lại kinh nghiệm của ông về vai trò của ICC như sau:

“Quand les représentants de la visitaient un village, ils plaçaient une table sur la place publique et faisaient savoir que n'importe qui, désirait parler avec eux, pouvait le faire. Mais aux abords du village, les Viet Minh bloquaient les routes, pour assurer, disaient ils la protection des membres de la Commission. De cette manière, ils ne pouvaient recueillir des informations et des plaintes que d'un nombre limité de personnes, qui étaient par la suite soumises à des représailles”.

(Trích trong Catholiques et Bouddhistes au Viet Nam, Piero Gheddo, trang 90)

Khi đi đến Ủy Hội Quốc tế đến thăm một làng, Việt Minh đã đặt một cái bàn ở một nơi công cộng và cho hay rằng bất cứ ai muốn tiếp xúc với phái đoàn đều có thể nói chuyện. Những ở đó làng, Việt Minh đã chặn đường mà theo họ là để bảo đảm an ninh cho các đội đi đến của phái đoàn. Bằng cách đó, đội đi phái đoàn chỉ có thể lấy được những thông tin và những khiêu khích của một số người rất giỏi hơn mà sau đó họ có thể bắt đầu.

Ký giả người Anh Robert Cardigan viết trên tờ The Tablet, Londres, ngày 12/2/1955, trang 125-153 như sau:

“Số bất lực của ủy hội quốc tế trong nhiệm vụ trợ giúp trong đó họ không thể can thiệp trực tiếp giúp cho người tị nạn có quy định của họ ra đi và đôi khi quá trễ, bởi vì những người tị nạn đã bắt đầu rời bỏ. Hoàn cảnh của những người tị nạn khi này đã bắt buộc các Pháp của đội tị nạn Brebisson ở Paris can thiệp với Commission d’armistice”.

Cũng cùng một nhận xét của ông Ronald B. Frankum, Jr. viết:

“The ICC was incapable for dealing with violations of the Geneva Agreements and the inconsistency of Viet Minh relocation. The Polish delegation never failed to block American and South Vietnamese concerns about the Viet Minh, while the North Vietnamese perceived the Canadian representative to be nothing more than a puppet of the United States. The Canadian members of the ICC were not reluctant to mention the difficulties in working with the Polish representatives of the ICC. In a conversation with Ainalie Kerr, Ottawa correspondent for the Catholic weekly Ensign, several Canadian delegates confided in the reporter that they were faced with insurmountable obstacles with the ICC”. (Trích OPTF, trang 166)

ICC không đủ khả năng để đối phó với sự vi phạm Hiệp định Geneva và hành động mâu thuẫn của Việt Minh. Đội biên ụ Ba Lan đã thành công trong việc ngăn chặn mối lo ngại của Mỹ và Nam Việt về vấn đề Việt Minh, trong lúc Bộ Cựu chiến binh Mỹ đi miền Gia-Nã-Đông không gì khác hơn là một thói nhìn của Hiệp hội Cựu chiến binh. Các thành viên Gia-Nã-Đông của ICC đã không ngại ngần gì để công bố những khó khăn khi họ phải làm việc với đội biên ụ Ba Lan của ICC. Trong cuộc đàm thoại với Ainalie Kerr, phóng viên ở Ottawa cho tờ báo tuần Ensign, vài đội biên ụ Gia-Nã-Đông có tâm sự với người ký giả rằng họ phải đương đầu với những chướng ngại không thể vượt qua được của ICC.

Trong tờ Actualité, ra ngày 15/04, 1955, trích lại trong sách của Piero Ghedo, tác giả bài báo dự đoán, nếu không có những vụ bắt bớ, ngăn chặn, hãm dọa thì số tị nạn người tị nạn không phải chỉ là con số gần một triệu người, mà có thể là 3 triệu người.

Con số đó là có thể hơi xa thực tế.

Có một nhận xét mà Việt Minh không chịu cãi đàng là các cuộc di cư tị nạn ở làng là những người tị nạn ở trong vùng Việt Minh chỉ mới đóng từ năm 1946... Chính những người dân đã tị nạn sống dưới chế độ cũ trong 9 năm chiến tranh dưới quy định của họ là những người muốn ra đi trước mặt. Xin trích đoạn một đoạn trong Missi, 1956, số 2, trang 41:

“Contastation humiliante (pour le Viet Minh) la poussée la plus impétueuse et la plus persistante vers le Sud vient des provinces qui, depuis 1946, se trouvaient entièrement sous le régime Viet

Minh”.

Một diều đáng kỳ làm tôi ngạc nhiên cho Việt Minh là người ta nhận thấy làn sóng người di cư kiên trì nhất và đông nhất muộn nhất vào Nam lại là những người hoàn toàn không quyên kim soát cửa của chính phủ Việt Minh từ năm 1946.

Hóa cho nên, càng sống với Việt Minh thì càng muộn trốn thoát khỏi bàn tay họ. Bài học càng đẫm máu, càng sâu, càng thấm thía.

Chàng trai của Ronald B. Frankum.Jr:

“Earlier, a priest who had escaped by sampan from Thai Binh told American officials that twenty thousand civilians from that district and fifty thousand from neighboring district wanted to leave for the South but were denied transit to Hai Phong by the Viet Minh ... On October 1, two thousand refugees arrived at Camp Pagoda in Hai Phong after a seventy-mile journey through Viet Minh-held territory aboard twenty-seven sampans. The new arrivals informed camp officials that another fifty sampans were behind them trying to make their way to the embarkation point”.
(Trích OPTF, trang 139-140)

Một linh mục đã trốn thoát khỏi Thái Bình bằng bè ngang đã nói với các viên chức Hoa Kỳ rằng còn có 20 ngàn người dân ở Thái Bình và 50 ngàn người khác ở vùng lân cận đã muốn đi vào miền Nam, nhưng đã bị Việt Minh ngăn chặn không cho đến Hải Phòng. Vào ngày 1 tháng 10, 2.000 người trốn đã tới trại Pagoda ở Hải Phòng sau một cuộc hành trình dài 70 dặm xuyên qua lãnh thổ Việt Minh trên 27 chiếc thuyền tam bản. Những người mới đến đã thông báo cho các viên chức ở trại rằng còn có 50 chiếc thuyền tam bản nữa đi đến ngay sau và đang chờ đợi đến để tiếp họ.

Đã theo tài liệu chính thức của chính phủ VNCH kể từ ngày 07/07/1954 đến 07/07/1960, phái đoàn chính phủ VNCH đã chuyển nộp Ủy Hội Quốc tế 3.755 lá đơn xin can thiệp cho 84.129 người và 1.973 gia đình ở miền Bắc di cư vào miền Nam.

Phái đoàn đã chuyển nộp Ủy Hội Quốc tế -T 13.015 lá đơn xin can thiệp cho 13.843 người ở Việt Cộng ép buộc tập kết ra Bắc. Việt Minh khuyến khích các cán binh tập kết ra Bắc để gia đình và con cái ở lại trong Nam, hứa hẹn 2 năm sẽ trở về. Sau hai năm, tin trở về vẫn bị thất vọng. Họ làm đơn kiện đòi chính quyền đòi con, yêu cầu Ủy Hội Quốc tế can thiệp. (Trích Hồ Đức Huân, Sáu năm hoạt động của chánh phủ, trang 256)

Không bao giờ có hỏi thăm hay hỏi người quyên cứu chính quyền cũng sống. Sau đây xin ghi lại một câu chuyện lý thú xảy ra khi có lính tập kết ra Bắc.

Trong số người tập kết, người Việt quen biết con gái một gia đình của một công nhân công trường. Đã bao lâu rồi, người Việt có đôi đôi nhà Việt lại câu chuyện đẫm máu này đến những tình người trong những hoàn cảnh ngang trái, éo le. Không phải để trách ai, những đức thầy và đức cha nhân. Nay xin mượn một dòng này kể lại câu chuyện người công nhân tập kết ra Bắc để lại và một cô con gái công nhân vài tuổi. Người Việt trở về thăm quê hương, một một quán nước, nhớ đó quen biết một trung úy quân đội VNCH. Người sĩ quan này có một tấm lòng hào hiệp giúp đỡ nhân lý người người phải này đến người coi đứa bé gái như con ruột, nuôi nấng dạy dỗ bé gái đó nên người. Trông 75, cô con gái nay đã là một thiếu nữ xinh đẹp, tốt nghiệp nhân luật.

Không có tấm lòng của bố nuôi làm sao cô đến được những người như vậy. Còn với trung úy sau

Nhìn lại cuộc đời 1954-1955 (IV)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lộc

Thứ Ba, 21 Tháng 10 Năm 2008 14:40

là đội tá trong quân đội VNCH. Ông bố đi học tiếp công việc.

Phụ nữ cô gái, ra ngoài, mua quần áo, mua học phí làm để nuôi con, mãi mãi lo học tập ngành chuyên ngành. Nay cô đã là một chuyên ngành nổi danh, tham dự và giúp đỡ vào nhiệm vụ công tác xã hội và văn hóa của công đồng người Việt.

Nhưng cô vẫn canh cánh bên lòng, phải tìm kiếm người cha ruột tiếp kết ra Bắc, nay lưu lạc nơi nào. Sau nhiệm vụ gian và thử thách, cô đã quy tâm về VN một chuyến, lên Di Linh, vào trong vùng sâu, nơi ông già tiếp kết nay vẫn học với con cái của ông.

Những người đã gặp. Nhưng không khi nào quên ông già có đội súng không khi nào khác. Cô quyết định nhấc tay ra xây nhà và giúp đỡ các đứa em cùng cha khác mẹ.

Chỉ cần tranh làm chia lìa, làm tan đàn rã gánh, nhưng chính vì vậy nên có những tâm lòng, vẫn có tình người vượt lên trên những oán không để dẫu gì tránh khỏi.

(Còn tiếp)

© DCVOnline

[[Trở lại](#)]